

Số: 185/CBTT-PLVD

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Quý cổ đông

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỀN

Mã chứng khoán: VAF

Địa chỉ: Đường Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội

Mã số doanh nghiệp: 0100103143

Điện thoại: 0243.6884489

Fax: 0243.6884277

Người đại diện theo pháp luật: Văn Hồng Sơn – Tổng Giám đốc

Loại thông tin công bố: 24 giờ; 72 giờ; bất thường; theo yêu cầu; định kỳ

Nội dung báo cáo và công bố thông tin: Báo cáo thường niên năm 2023 được lập theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn vandienfmp.vn/tin-co-dong.

Công ty chúng tôi xin cam kết thông tin được báo cáo và công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã báo cáo và công bố.

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điền.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS (b/c);
- Người được UQC/TT;
- Lưu Thư ký, VT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Văn Hồng Sơn

Số: 184 /BC-PLVD

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

I- Thông tin chung

1- Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển;
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100103143; đăng ký lần đầu ngày 29/12/2009, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 03/3/2022;
 - Vốn điều lệ: 376.653.480.000 đồng (ba trăm bảy mươi sáu tỷ, sáu trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng);
 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018: 376.653.480.000 đồng (ba trăm bảy mươi sáu tỷ, sáu trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng);
 - Địa chỉ: Đường Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội;
 - Số điện thoại: 0243.6884489/6885174;
 - Số fax: 0243.6884277;
 - Website: vandienfmp.vn;
 - Mã cổ phiếu: VAF.
 - Quá trình hình thành và phát triển:
 - Từ năm 1963 đến năm 2009: Là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam;
 - Từ 01/01/2010 đến nay: Là Công ty cổ phần đại chúng quy mô lớn;
 - Niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh:
 - + Ngày niêm yết có hiệu lực: 21/5/2015;
 - + Ngày chính thức giao dịch: 23/6/2015.
- 2- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:
- Ngành nghề kinh doanh chính (chiếm tỷ trọng trên 10% tổng doanh thu trong 2 năm gần nhất): Sản xuất kinh doanh phân lân nung chảy và các loại phân NPK;

- Địa bán kinh doanh chính (chiếm tỷ trọng trên 10% tổng doanh thu trong 2 năm gần nhất): Trong nước.

3- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1- Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc điều hành.

3.2- Người đại diện theo pháp luật: Tổng Giám đốc điều hành.

3.3- Các công ty con, công ty liên kết: không có

4- Định hướng phát triển:

4.1- Mục tiêu chính của Công ty:

Phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích Nhà nước-Cổ đông-Người lao động.

4.2- Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty:

- Chú trọng nhân tố con người;
- Tập trung đầu tư khoa học công nghệ, không ngừng tăng năng suất lao động, năng suất máy móc thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm và đảm bảo an toàn lao động, đảm bảo môi trường;
- Nâng công suất sản xuất, đạt 500.000 tấn lân nung chảy/năm và 200.000 tấn NPK/năm;
- Sản xuất các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường;
- Giữ vững và phát triển thị trường trong nước; từng bước mở rộng thị trường nước ngoài.

4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Thực hiện đúng các quy định về môi trường; tuyên truyền, giáo dục người lao động để cải thiện môi trường;
- Tích cực tham gia, hưởng ứng các phong trào xã hội, từ thiện;
- Đảm bảo việc làm, thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống tinh thần, thực hiện đúng các chế độ đối với người lao động.

5- Các rủi ro:

- Rủi ro về cơ chế, chính sách của Nhà nước: Cơ chế, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp, phân bón... (quy hoạch, cơ cấu ngành nông nghiệp, thuế, xuất nhập khẩu, xử lý phân bón rơm rạ, ...) có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Rủi ro về thiên tai: Khi thiên tai xảy ra sẽ làm giảm nhu cầu sử dụng phân bón, giảm khả năng đầu tư phân bón của nông dân;
- Rủi ro về giá nông sản: Khi giá nông sản giảm sẽ làm giảm nhu cầu sử dụng phân bón, giảm khả năng đầu tư phân bón của nông dân.
- Rủi ro về dịch bệnh: Khi xảy ra dịch bệnh làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thậm trí phải tạm dừng sản xuất, ... để chung tay phòng và chống dịch.

II- Tình hình hoạt động trong năm 2023

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1- Khó khăn:

Năm 2023, giá 1 số loại vật tư nguyên nhiên liệu phục vụ sản xuất phân lân tiếp tục tăng so với thực hiện năm 2022 (giá điện năm 2023, được điều chỉnh tăng 02 lần, lần 1 tăng 3,1%, lần 2 tăng 4,1%; giá quặng Apatit 2023/2022 là 1.323.155 đ/tấn/1.171.780 đ/tấn tương đương tăng 13%; Than 2023/2022 là 5.189.631 đ/tấn/4.407.327 đ/tấn, tăng 18%; Quặng Séc-pentin 416.535 đ/tấn/403.486 đ/tấn, tăng 3,2%; Sa thạch 230.475 đ/tấn/202.135 đ/tấn năm 2022, tăng 14%), giá phân bón các loại liên tục giảm trong các tháng đầu năm 2023. Trong khi giá nông sản thiếu ổn định (giá nông sản chỉ tăng từ quý 3/2023, tập trung chủ yếu mặt hàng lúa gạo, cà phê, sầu riêng nhưng lượng giao dịch không lớn), diện tích canh tác ngày càng thu hẹp để phục vụ công nghiệp hóa, cơ cấu cây trồng thay đổi làm ảnh hưởng tới giá bán và tình hình tiêu thụ các sản phẩm của Công ty, đặc biệt là sản phẩm phân NPK sản lượng tiêu thụ giảm sâu.

Do nguồn quặng Apatit chất lượng 23% ngày càng khan hiếm nên tình hình cung ứng quặng Apatit trong những tháng đầu năm có chất lượng giảm so với trước đã gây nhiều khó khăn cho sản xuất, các lò cao sản xuất bất ổn, số lần ngừng lò gia tăng gấp gần 3 lần so với năm trước, làm giảm hiệu quả và sản lượng sản xuất do Công ty chưa thể làm chủ được công nghệ sản xuất đối với quặng Apatit chất lượng thấp.

Tình hình lao động phục vụ sản xuất rất khó tuyển dụng, lao động tuyển không đủ, lao động mới còn thiếu kinh nghiệm, cần có thời gian thích ứng và đào tạo... Cũng ảnh hưởng rất nhiều đến tình hình sản xuất và kinh doanh.

Áp lực tài chính ngày càng cao do hàng tháng Công ty phải thanh toán tiền ngay khi mua các loại vật tư, nguyên nhiên liệu về phục vụ sản xuất hàng ngày như than, điện, đạm, kali... và các khoản bảo hiểm HX-YT-KPCĐ, thuế đất..., làm ảnh hưởng đến nguồn tài chính của Công ty.

1.2- Thuận lợi:

- Sản phẩm phân bón của Công ty có thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước;
- Công ty có bề dày 60 năm sản xuất phân bón; đội ngũ cán bộ công nhân có kinh nghiệm, trình độ, tay nghề;
- Các hạng mục đầu tư khoa học công nghệ của Công ty từ các năm trước tiếp tục phát huy hiệu quả; sản phẩm của Công ty luôn đảm bảo chất lượng tốt, có thương hiệu, là sản phẩm phân bón được người tiêu dùng tin nhiệm & các cơ quan quản lý Nhà nước đánh giá cao, phù hợp với thổ nhưỡng và các loại cây trồng trong cả nước.

1.3- Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm 2023

Trong bối cảnh nêu trên, Công ty đã thực hiện các giải pháp chính như sau:

- Kiện toàn nhân sự cán bộ điều hành;
- Ổn định tư tưởng người lao động;
- Duy trì lượng nguyên nhiên vật liệu dự phòng cho sản xuất ở mức tối thiểu;
- Tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh;
- Đầu tư khoa học kỹ thuật, cải tiến máy móc thiết bị để tăng năng suất, đảm bảo chất lượng sản phẩm, giảm lao động;

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm mới theo nhu cầu thị trường;
- Tăng cường các biện pháp tiếp thị; phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ;
- Xây dựng cơ chế bán hàng linh hoạt, phù hợp từng thời điểm của thị trường, từng đối tượng khách hàng.

Bảng các giải pháp như trên, trong năm 2023 Công ty đã đạt được các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ (%)	
						TH 2023/KH 2023	TH 2023/TH 2022
A	B	C	3	4	5	6=5/4	7=5/3
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	234.018	217.000	237.829	110	102
-	Phân lân các loại	Tấn	202.081	185.000	208.181	113	103
-	Phân NPK các loại	Tấn	31.937	32.000	29.648	93	93
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	206.864	212.000	217.688	103	105
-	Phân lân các loại	Tấn	174.743	180.000	188.449	105	108
-	Phân NPK các loại	Tấn	32.121	32.000	29.239	91	91
	Trong đó Xuất khẩu		15.750	15.000	9.893	66	63
	Phân lân Văn Điển	Tấn	14.750	14.000	9.893	71	67
	Phân NPK Văn Điển	Tấn	1.000	1.000	-	-	-
3	Tổng doanh thu	Tỷ đ	949.510	1.063,94	1.064.000	100	112
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	52.739	50.090	76.082	145	144

2- Tổ chức và nhân sự:

2.1- Danh sách Ban Tổng giám đốc và Phụ trách kế toán:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)	Ghi chú
1	Văn Hồng Sơn	Tổng giám đốc	0,04	
2	Phạm Quang Trung	Phó Tổng giám đốc	0,01	
3	Trần Thăng	Phó Tổng giám đốc		
4	Nguyễn Thị Sen	Phụ trách kế toán		

2.2- Lý lịch tóm tắt:

1. Ông Văn Hồng Sơn	
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	14/8/1965
Số Căn cước công dân:	040065000270 cấp ngày 27/4/2018 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú:	Số 30, ngách 160/9/14 đường Phan Trọng Tuệ - Thanh Trì - Hà Nội.
Số Điện thoại liên lạc:	0243 6884489 / 0984 690 790
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí, cử nhân chính trị
Quá trình công tác	Chức vụ và nơi công tác
+ Từ 1990 đến 3/2000:	Kỹ sư cơ Phòng Cơ điện, Công ty phân đạm và hóa chất Hà Bắc
+ Từ 4/2000 đến 9/2000:	Kỹ sư các Phân xưởng Lò cao, Sấy nghiền, Cơ điện Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 10/2000 đến 8/2001:	Phó Phòng Kỹ thuật, Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 9/2001 đến 11/2002:	Phó Quản đốc, Quản đốc Phân xưởng Cơ điện Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 12/2002 đến 29/6/2016:	Phó Phòng Kỹ thuật, Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 30/6/2016 đến 14/9/2018:	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
+ Từ 15/9/2018 đến 13/11/2018:	Phó Tổng giám đốc Phụ trách Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
Từ 14/11/2018 đến nay:	Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

2. Ông Phạm Quang Trung	
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	30/11/1966
Số CMND:	012450055 ngày 28/5/2001 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú:	Tập thể Phân lân Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
Số Điện thoại liên lạc:	0243 6884489/ 0916880303
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác	Chức vụ và nơi công tác
+ Từ 1993 đến 1995:	Kỹ sư cơ khí phân xưởng Lò cao, phân xưởng Sấy nghiên Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 1996 đến 2005:	Phó quản đốc Phân xưởng lò cao
+ Từ 2005 đến 2010:	Quản đốc phân xưởng Lò cao
+ Từ 12/2010 đến 03/2012:	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
+ Từ 04/2012 đến 20/01/2015:	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 21/01/2015 đến nay:	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

3. Ông Trần Thắng	
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	17/04/1985
Số CMND:	033085001542 ngày 10/07/202; Cục CS QLHS về TTXH
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Thanh Giang, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
Địa chỉ thường trú:	Phòng 1504, CT10, Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Số Điện thoại liên lạc:	0243 6884489/ 0985131485
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư công nghệ kỹ thuật điện
Quá trình công tác	Chức vụ và nơi công tác
+ Từ 9/2007 đến 9/2008:	Cán sự Phòng Công tác học sinh sinh viên – Trường cao đẳng kinh tế Công nghiệp
+ Từ 9/2008 đến 09/2010:	Cán sự Phòng Tổ chức lao động – Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam
+ Từ 9/2010 đến 7/2019:	Chuyên viên Ban Tổ chức nhân sự - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
+ Từ 9/2019 đến 6/2020:	Chuyên viên Ban Thư ký Hội đồng thành viên - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

+ Từ 6/2020 đến 9/2020:	Phó Trưởng ban Ban thư ký Hội đồng thành viên - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
+ Từ 9/2020 đến 8/2021:	Phó Trưởng ban, Phụ trách Ban thư ký Hội đồng thành viên - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
+ Từ 8/2021 đến 8/2023:	Trưởng ban Ban thư ký Hội đồng thành viên - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
+ Từ 12/8/2023:	Phó Tổng giám đốc – Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

4. Bà Nguyễn Thị Sen	
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	15/01/1973
Số CMND:	164248169, cấp ngày 14/08/2013, tại Ninh Bình
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Địa chỉ thường trú:	P912 Nơ 4 - khu đô thị Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
Số Điện thoại liên lạc:	0243 6884489 / 0912 467 709
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	Chức vụ và nơi công tác
+ Từ 12/1992 đến 9/2014:	Kế toán viên, Công ty CP phân lân Ninh Bình
+ Từ 10/2014 đến 11/2015:	Kế toán viên, Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 12/2015 đến 01/2019:	Phụ trách kế toán kiêm Tổ trưởng tổ hành chính Ban QLDA đầu tư xây dựng "Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển" tại Khu B KCN Bim Sơn, Thanh Hóa (thuộc Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển).
+ Từ 02/2019 đến 02/2019:	Phó phòng Tài chính kế toán Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 03/2019 đến 12/2019:	Phó phòng Tài chính kế toán; Phụ trách kế toán Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển
+ Từ 01/2020 đến nay:	Trưởng phòng Tài chính kế toán; Phụ trách kế toán Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển

Chức vụ công tác hiện nay:	Trưởng phòng Tài chính kế toán; Phụ trách kế toán Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với C.ty:	Không

2.3- Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2023:

Công ty bổ nhiệm ông Trần Thắng làm Phó Tổng giám đốc Công ty từ ngày 12/8/2023.

2.4- Số lượng lao động bình quân năm 2023: 346 người.

2.5- Tóm tắt chính sách đối với người lao động:

- Tuyển dụng lao động để bổ sung cho sản xuất kinh doanh; đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động;

- Áp dụng các kiến nghị, ý tưởng sáng tạo, sáng kiến cải tiến của người lao động vào hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Đảm bảo việc làm, thu nhập; đảm bảo chế độ cho người lao động theo đúng quy định; cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động.

3- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án năm 2023:

3.1. Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển.

a/. Khái quát dự án:

- Địa điểm: Khu B – khu CN Bim Sơn, thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa.

- Quy mô: Phân lân nung chảy: 500.000 tấn/năm; Phân bón NPK: 200.000 tấn/năm.

- Tổng mức đầu tư: 1.291.619.455.265 đồng.

- Nguồn vốn: 30% vốn Công ty và 70% vay thương mại.

b/. Tình hình thực hiện:

- Ngày 18/5/2023, Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN đã ban hành Quyết định số 135/QĐ-BQLKKTNS&KCN và Quyết định số 140/QĐ-BQLKKTNS&KCN về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và chấm dứt hoạt động dự án.

- Theo bản án số 03/2022/KDTM-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn, Công ty HUD4 phải thanh toán cho Công ty CP Phân lân NC Văn Điển số tiền: 74.854.703.302 đồng, số tiền này sẽ được đối trừ vào hợp đồng thuê đất mới giữa hai bên. Tuy nhiên đến hiện tại, hai Công ty chưa thực hiện được việc ký hợp đồng thuê đất mới. Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp theo bản án nêu trên Công ty đang triển khai thủ tục để yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành án, gửi Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa để yêu cầu tổ chức thi hành Bản án số 03/2022/KDTM-ST ngày 05/9/2022 đối với Công ty CP Đầu tư Xây dựng HUD4. Hiện nay Công ty đang thực hiện thủ tục Giám đốc thẩm bản án số 03/2022/KDTM-ST ngày 05/9/2022; Tòa án cấp cao Hà Nội đã thụ lý và đang trong quá trình xem xét, giải quyết theo quy định.

- Thực hiện theo văn bản số 704/HCVN-ĐTXD ngày 19/5/2023 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về việc rà soát, đánh giá lại dự án, Công ty đang thực hiện các thủ tục theo quy định để thuê tư vấn – Công ty CP Thiết kế công nghiệp hóa chất (CECO) đánh giá lại hiệu quả của dự án.

Về giá trị thực hiện đến nay:

- Giá trị thực hiện Dự án trong năm 2023 : 0.00 triệu đồng

- Lũy kế thực hiện đến 31/12/2023 : 99.993 triệu đồng

3.2. Dự án đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh:

Năm 2023, Công ty thực hiện 05 dự án mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh, gồm:

- Hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước ngầm khai thác;
- Mua sắm Lò nung;
- Mua sắm Máy quang kế ngọn lửa;
- Mua sắm ô tô bán tải 05 chỗ ngồi;
- Máy nâng (xe nâng)

Các dự án mua sắm thiết bị được thực hiện đúng theo quy định, hiệu quả, đáp ứng kịp thời nhu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty

Giá trị thực hiện đến 31/12/2023: 2.596 triệu đồng

3.4- Về đầu tư tài chính: không

3.5-Các công ty con, công ty liên kết: không.

4- Tình hình tài chính:

4.1- Tình hình tài chính:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	% Tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ.đ	614.00	660.53	108%
2	Doanh thu thuần	Tỷ.đ	913.04	1,001.61	110%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ.đ	53.08	55.01	104%
4	Lợi nhuận khác	Tỷ.đ	(0.34)	21.01	-6108%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	52.74	76.03	144%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ.đ	42.08	63.20	150%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	9.0%	10.0%	111%

Ghi chú: Mức trả cổ tức năm 2023 dự kiến là 10.0%; mức chính thức sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

4.2- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Số TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	3.873	4.393	
	<i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>			
	+ Hệ số thanh toán nhanh	1.201	0.833	
	<i>TSLĐ - Hàng tồn kho</i>			
	<i>Nợ ngắn hạn</i>			
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0.224	0.236	

Số TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
	+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0.289	0.308	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho			
	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	1.939	1.933	
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.499	1.516	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.046	0.063	
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.094	0.134	
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.069	0.096	
	+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0.058	0.055	

5- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu tính đến 31/12/2023:

5.1- Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 37.665.348 cổ phần;
- Loại cổ phần: phổ thông;
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần;
- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 37.665.348 cổ phần.

5.2- Cơ cấu cổ đông:

a- Theo cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% vốn điều lệ):

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1A Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	0100100061 ngày 29/8/2014	67.056%
2	Công ty TNHH Hoàng Ngân	02 Vũ Duy Thanh, Bích Đào, Ninh Bình	2700271351 ngày 26/6/2014	24.467%
3	Các cổ đông khác			8.477%
	Cộng			100%

5.3- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2022: 376,653 tỷ đồng;
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2023: 376,653 tỷ đồng.

5.4- Tình hình phát hành cổ phiếu: Không có.

5.5- Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

5.6- Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty trong năm 2023:

6.1. Tác động lên môi trường:

6.1.1. Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp:

TT	Nguồn phát thải	ĐV	Khối lượng sử dụng	Hệ số phát thải CO ₂ (tấn CO ₂ /đv)	Lượng phát thải khí CO ₂ (tấn)
1	Than	tấn	48.042,5	2,88	138.362,4
2	Dầu diesel	1000 lít	287,95	2,73	786,1
3	Xăng	1000 lít	6,44	2,408	15,5
4	Khí đốt (gaz)	Tấn	6,15	2,88	17,71
5	Điện năng	1000 kWh	9.823	0,722	7.092,2
	Cộng	Tấn			146.253,91

6.1.2. Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

Để tiết kiệm chi phí, giảm lượng nhiên liệu tiêu thụ và để giảm lượng phát thải khí nhà kính phát thải ra ngoài môi trường luôn được Công ty quan tâm, dành nguồn lực để thay đổi thiết bị, công nghệ tiên tiến hơn. Trong thời gian qua, các sáng kiến, biện pháp đơn vị đang sử dụng để giảm thiểu phát thải khí nhà kính bao gồm:

- Trồng bổ sung, chăm sóc cây xanh trong địa bàn Công ty đảm bảo luôn xanh tốt;
- Thay thế bóng đèn các loại bằng bóng đèn LED tiết kiệm điện;
- Tăng cường công tác quản lý, tổ chức sản xuất hợp lý; Lắp bổ sung, thay thế tụ bù gần phụ tải; cải tiến thiết bị, ưu tiên thay thế các thiết bị điện có dán nhãn năng lượng; Lắp đặt biển tần cho các phụ tải cần thiết; xây dựng, triển khai thực hiện các kế hoạch bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên các hệ thống thiết bị... giảm than, điện năng tiêu thụ;
- Thay thế các động cơ có công suất dư bằng các động cơ có công suất phù hợp để tiết kiệm điện năng tiêu thụ;
- Tăng cường công tác quản lý, nghiên cứu cải tiến công nghệ, thiết bị để giảm định mức than trong sản xuất phân lân;
- Tăng cường công tác quản lý ô tô, xe máy; Xây dựng kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ, giảm tiêu hao xăng dầu;
- Tận dụng gió nóng từ khí thải của lò cao để nung nóng không khí lên >220°C trước khi cấp vào lò cao, tiết kiệm được than tại Phân xưởng Lò cao.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm:

TT	Loại nguyên liệu	ĐV	Tiêu thụ năm 2023
1	Quặng Apatit	tấn	141.313,18
2	Quặng sà vôn	tấn	68.557,92
3	Quặng sa thạch	tấn	12.136,36

M

4	Than	tấn	48.042,5
	Cộng	tấn	270.049,96

b. Tỷ lệ % nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm 2023: Đóng bánh quặng mịn được 49.830 tấn, triệt tiêu hoàn toàn chất thải rắn. Đưa vào sử dụng 44.346,31 tấn, chiếm 16,42% tổng lượng nguyên liệu đưa vào sản xuất.

6.3. Tiêu thụ năng lượng trong năm 2023:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Các loại nhiên liệu tiêu thụ:

TT	Loại nhiên liệu	ĐV	Khối lượng	Mục đích sử dụng
1	Than	tấn	48.042,5	Sản xuất phân lân nung chảy
2	Dầu diesel	lít	287,95	Sử dụng để chạy các phương tiện vận tải, các máy phục vụ, máy phát điện
3	Xăng	lít	6,44	Sử dụng để chạy ô tô
4	Khí đốt (gaz)	kg	6,15	Sử dụng để hàn, cắt kim loại, nấu ăn

- Điện năng tiêu thụ:

TT	Nội dung	Đơn vị	Đơn giá (đồng)
1	Điện	kWh	9.823.000
2	Giá điện (ghi rõ 3 giá)	đồng/kWh	Cao điểm: 3.314 Thấp điểm: 1.184 Trung bình: 1.809
3	Chi phí điện	đồng	19.329.265.850

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Các giải pháp tiết kiệm năng lượng đã thực hiện:

TT	Bộ phận	Giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả	
		Nội dung giải pháp	Kết quả thực hiện
1	Khu vực văn phòng, các đơn vị sản xuất.	Giải pháp thay thế Bóng đèn compac 50W hóng bằng bóng LED 30W; duy trì việc sửa chữa, thay thế loại bóng đèn tiết kiệm điện	Đã thay 50 bóng đèn LED 30W. Mức tiết kiệm điện 10 kWh/ngày, Tiết kiệm chi phí 7,0 Tr. đồng/năm
2	Các dây chuyền sản xuất	Tăng cường công tác quản lý, tổ chức sản xuất hợp lý; thay đổi công suất một số động cơ, thiết bị có công suất phù hợp với tính năng, thay đổi kết cấu giảm tốc, giảm tổn thất điện năng do chạy non tải.	Tiết kiệm năng lượng điện 2,05 kWh/tấn SP (so với định mức), tương đương 890 triệu đồng/năm.

3	Tiết kiệm năng lượng xăng dầu trong vận chuyển phục vụ sản xuất và tiêu thụ	Tăng cường công tác quản lý ô tô, xe máy; Xây dựng kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ; Duy trì camera hành trình đối với các xe vận chuyển ngoài, giảm tiêu hao xăng dầu.	Tiết kiệm nhiên liệu 37.038 lít dầu diesel/năm (so với định mức), tương đương 763 triệu đồng/năm.
---	---	---	---

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); kết quả của sáng kiến này năm 2023:

- Bảng sáng chế năm 1991 – Lò cao sản xuất phân lân nung chảy; năm 2023 làm lợi 8,0 tỷ đồng.

- Giải pháp hữu ích số HI 0031 - Đóng quặng bánh tận thu 100% phế thải rắn; năm 2023 đưa và sử dụng 44.346 tấn, làm lợi 8,10 tỷ đồng.

- Cải tạo các băng tải: nối dài băng tải 58, bỏ băng tải ra nghiêng 3,4,5 (động cơ 4,5 kW); thay động cơ băng tải ngắn vào sầy 2 (4,5 kW) bằng động cơ 1,5 kW; bỏ băng tải ngắn vào sầy 1 (2,8 kW); thay động cơ băng tải dài vào sầy 1 (10 kW) bằng động cơ 4,5 kW, tiết kiệm điện năng tiêu thụ khoảng 58.800 kWh/năm, tương đương 125 triệu đồng.

- Chế tạo và lắp đặt 2 silo chứa xi măng đưa vào vận hành tại khu vực máy ép số 2 và máy ép số 3, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tiết kiệm chi phí sản xuất. Năm 2023 làm lợi khoảng 550 triệu đồng.

- Chế tạo và lắp đặt dây chuyền sàng than hoạt động ổn định, đảm bảo năng suất, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tiết kiệm chi phí và nhân công trong sản xuất (giảm 12 lao động). Năm 2023 làm lợi khoảng 400 triệu đồng.

- Dùng máy xúc thủy lực thay cho công nhân bốc quặng bánh cấp vào lò cao, giảm được 10 lao động; năm 2023 làm lợi 450 triệu đồng.

- Cải tạo hệ thống cấp liệu vào các lò cao (chế tạo 03 xe goòng sử dụng cân Loadcell điện tử và động cơ điện để cân phối liệu từ phễu thay cho công tác đẩy xe goòng bằng thủ công) cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tiết kiệm chi phí sản xuất (giảm được 19 lao động). Năm 2023 làm lợi 2,10 tỷ đồng.

- Chế tạo và lắp đặt hệ thống băng tải chuyên Ab từ ngoài bãi nguyên liệu vào phễu Ab lò cao, tiết kiệm chi phí (nhiên liệu, xe vận chuyển và chi phí ép ép Ab do giảm lượng mìn phát sinh). Năm 2023 làm lợi khoảng 350 triệu đồng.

- Sử dụng dây đai Sling đóng các bịch lân 2,0 tấn để xuất hàng đã giảm được nhân công lao động khi xuất hàng lân tại Phân xưởng Sầy nghiền, sử dụng máy nâng để xuất hàng thay cho nhân công bốc thủ công đã nâng cao năng suất, cải thiện điều kiện làm việc của người lao động.

- Sửa chữa băng tải, chế tạo dulong, thay thế phương án xếp bao vào đai Sling, giảm cường độ làm việc cho người lao động tại Phân xưởng Sầy nghiền.

6.4. Tiêu thụ nước trong năm 2023:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nước ngầm tự khai thác: 359 -:- 668 m³/ngày đêm. Năm 2023 đã khai thác 200.629 m³.

- Giấy phép khai thác nước sử dụng nước dưới đất; Giấy phép số 107/GP-BTNMT ngày 29/6/2021 của Bộ Tài nguyên Môi trường.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

Hiện tại toàn bộ nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt và một phần nước mưa đã được xử lý bằng tuần hoàn nên đã triệt tiêu toàn bộ nước thải; không xả nước thải ra môi trường; tiết kiệm mỗi năm khoảng 12 - 14 triệu m³ nước.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Là đơn vị sản xuất phân bón trên địa bàn thủ đô Hà Nội, công tác bảo vệ môi trường luôn được Công ty quan tâm chú trọng đặt lên hàng đầu; Công ty đã thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về môi trường của Nhà nước và thành phố Hà Nội.
- Đã lập báo cáo tác động môi trường (ĐTM) được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật trong quan trắc môi trường định kỳ và quan trắc hệ thống khí thải tự động liên tục (quan trắc online), Công ty đã hoàn thành lắp đặt 03/03 trạm quan trắc khí thải tự động liên tục tại 03 lò cao sản xuất phân lân.

- Không ngừng đổi mới các biện pháp giám sát, quản lý, giáo dục về môi trường.

- Không ngừng đầu tư khoa học công nghệ để đảm bảo, cải thiện môi trường.

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Không có.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng CBCNV (tính đến ngày 31/12/2023): 346 người

+ Thu nhập bình quân năm 2023: 14.800.000 đồng/người/tháng

+ Hình thức trả lương: Tạm ứng giữa kỳ lương từ ngày 18 đến ngày 20 của tháng; Thanh toán cuối kỳ lương từ ngày 8 đến ngày 15 tháng sau

+ Hàng tháng, quý, năm căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và những yếu tố kinh tế, xã hội khác, để động viên người lao động trong lao động, đem lại hiệu quả cao trong sản xuất trên cơ sở quỹ tiền lương Công ty chi thêm tiền bổ sung theo lương.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi cho người lao động:

- Tuyển dụng lao động để bổ sung cho sản xuất kinh doanh; đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động;

- Áp dụng các kiến nghị, ý tưởng sáng tạo, sáng kiến cải tiến của người lao động vào hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Đảm bảo việc làm, thu nhập; đảm bảo chế độ cho độ cho người lao động theo đúng quy định; cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động.

+ Chế độ làm việc: 8h/ngày; Từ 5 - đến 6 ngày/tuần.

Làm việc theo giờ hành chính bắt đầu 7h30 kết thúc 16h15, trưa nghỉ 45 phút từ 11h30 đến 12h15 ăn cơm.

Công nhân trong dây chuyền sản xuất làm việc theo ca: ca 1 bắt đầu từ 7h, kết thúc 15h; Ca 2 bắt đầu 15h kết thúc 23h; ca 3 bắt đầu 23h kết thúc 7h); Trong ca thay nhau nghỉ để ăn giữa ca.

+ Các chế độ nghỉ ốm, thai sản, điều dưỡng: Thực hiện theo luật bảo hiểm xã hội

+ Các chế độ nghỉ phép, chế độ đối với lao động nữ, nuôi con nhỏ: Thực hiện theo quy định của Bộ luật lao động và các văn bản hướng dẫn của Nhà nước.

+Được cấp phát toàn bộ trang thiết bị BHLĐ.

+ Chính sách thưởng, phúc lợi:

- Về tiền thưởng: Căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc của người lao động, căn cứ vào nguồn tiền thưởng hàng năm được trích để tính thưởng cho từng người.

- Các chế độ khác: Ngoài được hưởng các chế độ theo bộ luật lao động, luật BHXH người lao động được ăn 2 bữa cơm ca /1 ca làm việc và hàng năm được đi tham quan, nghỉ mát theo quy định của Công ty.

- Chế độ hiếu hỷ thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ.

- Khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

c) Chế độ đào tạo:

- Kinh phí học tập để phục vụ cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty do Công ty chi trả 100 %

- Người lao động đi học theo yêu cầu công việc, do Công ty cử đi thì những ngày đi học được hưởng lương theo quy chế trả lương của Công ty

- Người lao động đi học không do Công ty cử đi, hoặc các ngành nghề Công ty không có nhu cầu thì phải tự túc kinh phí và thời gian

- Người lao động tự đi học để nâng cao trình độ chuyên môn phục vụ cho công việc của mình thì tùy theo khả năng tài chính của Công ty, Công ty hỗ trợ một phần kinh phí

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm cộng đồng địa phương:

Năm 2023 đã ủng hộ công tác xã hội, từ thiện, quỹ An sinh Tập đoàn Hóa chất Việt Nam số tiền 453,6 triệu đồng bao gồm: ủng hộ quỹ vì người nghèo Trung ương 250 triệu; quỹ an sinh Tập đoàn 60 triệu đồng, các quỹ khác 143,6 triệu đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh: Không có.

III- Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1-Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a - Ngoài khó khăn đã nêu ở trên thì trong năm 2023, sản xuất kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng lớn bởi xung đột quân sự ngày càng căng thẳng giữa Nga – Ucraina, sự thiếu hụt lao động, thiếu phương tiện vận chuyển, thiếu nguyên, nhiên vật liệu... Ngoài ra, thời tiết diễn biến phức tạp do tình trạng nóng lên toàn cầu, biến đổi khí hậu đã gây ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế Việt Nam nói chung, đặc biệt là đối với các tỉnh miền Trung từ Nghệ An đến Phú Yên. Đối với Công ty cũng bị ảnh hưởng không nhỏ, cụ thể:

+ Nguồn nhân sự cho sản xuất tuyển dụng khó;

+ Nguyên liệu đầu vào thu mua khó khăn và giá tăng rất cao do hàng hóa lưu thông khó khăn, các dịch vụ vận tải và các chi phí tăng quá cao do giá nhiên liệu liên tục biến động, Nhà nước ngày siết chặt việc vận chuyển hàng hóa quá tải, đăng kiểm, kiểm định phương tiện vận chuyển...;

+ Tiêu thụ sản phẩm chậm do hàng hóa nông sản không tiêu thụ được nên sức mua của nông dân giảm do thiếu vốn;

Những yếu tố trên đã làm cho công tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, để bán được hàng bắt buộc Công ty phải có cơ chế phù hợp như tăng giá bán sản phẩm để không bị lỗ nhưng đồng thời tăng chiết khấu bán hàng, dẫn đến làm giảm hiệu quả kinh doanh.

b- Với những khó khăn như trên Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp phù hợp để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông giao; cụ thể như sau:

- Ổn định tư tưởng cho cán bộ CNV, thông qua các việc làm thiết thực như: Đảm bảo đời sống việc làm, lương thưởng; đảm bảo thực hiện đúng các chế độ chính sách theo quy định của

Nhà nước đối với người lao động. Quan tâm giải quyết các kiến nghị của người lao động, tránh gây bức xúc cho người lao động từ các khâu trung gian. Phát huy được tính làm chủ của người lao động, tăng cường sự giám sát các mặt sản xuất kinh doanh. Không ngừng cải tiến, cải tạo máy móc thiết bị để cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, cải thiện môi trường.

- Tập trung công tác đào tạo: Đào tạo lý thuyết, tay nghề cho công nhân, đào tạo tại chỗ, thực tế cho từng cương vị, người cũ hướng dẫn người mới để người mới nhanh chóng nắm bắt quy trình công nghệ, thao tác để nâng cao tay nghề đảm đương được các cương vị. Thường xuyên huấn luyện về an toàn BHLĐ, phòng chống cháy nổ, đảm bảo sản xuất an toàn hiệu quả.

- Tăng cường các biện pháp tổ chức quản lý:

+ Tiến hành kiện toàn về tổ chức; cải tiến công tác quản lý dựa trên nguyên tắc tinh giảm, đúng người đúng việc và nâng cao chất lượng cán bộ, hiệu quả công việc; đào tạo và đào tạo lại để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời kỳ mới.

+ Tiếp tục xây dựng, sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

+ Sản xuất dự trữ Phân bón vừa đủ theo kế hoạch và nhu cầu thị trường, đảm bảo tồn kho hợp lý để tăng hiệu quả sử dụng vốn và không suy giảm chất lượng sản phẩm.

+ Quản lý chặt chẽ công tác mua sắm vật tư, nguyên nhiên liệu đầu vào đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lý; quản lý chặt chẽ số lượng, chất lượng hàng hóa tại các kho dự trữ.

- Tiếp tục đầu tư các biện pháp khoa học kỹ thuật:

+ Cải tiến công tác vận hành thao tác, công nghệ lò cao nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, để giảm số lần chết lò, giảm định mức tiêu hao than và đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Tiếp tục cơ giới hóa hợp lý các khâu trong sản xuất; áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật để tăng năng suất, giảm giá thành sản phẩm, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, đảm bảo môi trường, tận thu sản phẩm.

- Đẩy mạnh công tác thị trường và bán hàng:

+ Tăng cường đầu tư cho công tác thị trường, phát triển các đại lý bán hàng mới tại khu vực, đảm bảo cung ứng hàng kịp thời, đầy đủ; Không bán hàng theo hình thức bán hàng ứng vốn 01 vụ cho dân (bán chậm thanh toán như các năm trước đây). Đề ra các chính sách bán hàng, giá cả, thời điểm chuyển kho từng thời kỳ hợp lý để tăng sức cạnh tranh, đem lại hiệu quả cao nhất; đặc biệt là tăng lượng hàng chuyển trực tiếp về kho khách hàng phía Nam để giảm lượng hàng tại các kho dự trữ, giảm chi phí thuê kho.

+ Đầu tư hợp lý và hiệu quả cho công tác tuyên truyền quảng cáo sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, tạp chí, treo các băng rôn, biển hiệu tại các cửa hàng, đại lý tiêu thụ sản phẩm).

+ Kết hợp với các nhà khoa học (Viện KHNN Việt Nam, TT khuyến nông Quốc gia, TT giống cây trồng, Sở Nông nghiệp các tỉnh, Tổ chức Hội các tỉnh) để xây dựng các mô hình thực nghiệm chôn cây chè, cây lúa, cây mía, cây dứa, cây cam và các cây công nghiệp khác tại các vùng miền và triển khai tổ chức các hội nghị khách hàng, hội thảo, hội nghị đầu bờ để trao đổi kinh

Handwritten mark

nghiệm & hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón cho nông dân tại các tỉnh miền Bắc, miền Trung - Tây nguyên - Nam bộ.

+ Tiếp tục đưa cán bộ thị trường vào khu vực Miền Trung, Miền Nam và Tây Nguyên để theo dõi nắm bắt thị trường và nghiên cứu phát triển thêm đại lý mới.

+ Đa dạng hóa phương thức vận chuyển, hợp đồng với nhiều đơn vị vận tải để tránh độc quyền, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu chuyển kho, tiêu thụ.

c- Kết quả đạt được:

Mặc dù còn vô vàn khó khăn, trong điều kiện không chỉ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón trong nước mà các đơn vị xuất nhập khẩu cũng chịu rất nhiều ảnh hưởng do xung đột Nga - Ucraina nhưng với những kết quả đã đạt được trong năm 2023, Công ty là 1 trong đơn vị hoàn thành xuất sắc kế hoạch SXKD năm 2023 đã đề ra, kết quả rất đáng ghi nhận trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón trong nước sụt giảm hiệu quả kinh doanh nghiêm trọng.

Những tiến bộ khác đạt được trong năm 2023:

- Trình độ công nghệ sản xuất được nâng cao; các máy móc, thiết bị về cơ bản được đầu tư, cải tạo, sửa chữa nên đã đáp ứng yêu cầu, nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân, cải thiện môi trường. Đặc biệt, năng lực chế tạo, lắp đặt máy móc thiết bị của Công ty được nâng cao;

- Áp dụng nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, góp phần tiết giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm;

- Các thị trường tiêu thụ truyền thống cả trong và ngoài nước được giữ vững trong bối cảnh cạnh tranh rất gay gắt;

- Thực hiện đầy đủ các chế độ, đảm bảo việc làm, thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động trong bối cảnh ngành phân bón trong nước gặp rất nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp phải ngừng hoặc giảm hoạt động.

2-Tình hình tài chính

2.1- Tình hình tài sản:

Vốn chủ sở hữu, tài sản của Công ty tính đến 31/12/2023 như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2023
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ.đ	479.516	504.902
2	Vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ.đ	376.653	376.653
3	Quỹ đầu tư phát triển	Tỷ.đ	54.600	57.251
4	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	Tỷ.đ	3.281	3.281

5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tỷ.đ	42.082	63.198
6	Tổng tài sản	Tỷ.đ	614.005	660.530

Các tài sản được đầu tư và sử dụng đúng mục đích, phát huy hiệu quả của tài sản.

Hiệu quả sử dụng vốn năm 2022 của Công ty được đánh giá qua các chỉ số tài chính, cụ thể như sau:

Số TT	Chi tiêu	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2023
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	8.78%	12.52%
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	6.85%	9.57%

Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn năm 2023 cao hơn so với năm 2022; Công ty vẫn bảo toàn và sử dụng vốn có hiệu quả.

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty có số dư tiền gửi ngân hàng là 67,082 tỷ đồng và có khoản tiền gửi 20 tỷ đồng có kỳ hạn từ 3 tháng đến 6 tháng:

Số TT	Chi tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2023
1	Tiền mặt	Tỷ.đ	0.816	0.300
2	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	Tỷ.đ	98.822	66.782
3	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng	Tỷ.đ	20.000	20.000
4	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng	Tỷ.đ	0.000	0.000
	Cộng		119.638	87.082

Công nợ phải thu:

Số TT	Chi tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2023
	Tổng nợ phải thu	Tỷ.đ	19.368	23.837
1	Phải thu khách hàng	Tỷ.đ	16.858	21.967
2	Trả trước cho người bán	Tỷ.đ	10.180	2.939
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	Tỷ.đ		
4	Các khoản phải thu khác	Tỷ.đ	1.129	0.825
5	Dự phòng phải thu khó đòi	Tỷ.đ	(8.799)	(1.894)
	Một số chỉ tiêu cơ bản			
1	Tỷ lệ nợ phải thu khó đòi/tổng nợ phải thu		45.43%	7.95%
2	Vòng quay của các khoản phải thu (=Doanh thu thuần/số dư phải thu khách hàng)		54.161	45.596

Nợ phải thu chủ yếu là tiền bán hàng. Công ty đã thực hiện quản lý công nợ theo đúng các quy chế, quy định của Công ty.

Nợ phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2023 là 1,849 tỷ đồng. Trong năm 2023 không phát sinh thêm khoản nợ phải thu khó đòi, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng và đã thực hiện các biện pháp để thu hồi công nợ như khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền.

Ngoài khoản công nợ này, Công ty không có khoản công nợ phải thu khó đòi hay tài sản khó thu hồi nào khác làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty.

2.2- Tình hình nợ phải trả:

Công nợ phải trả:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2023
	Tổng nợ phải trả	Tỷ.đ	134.489	155.628
A	Nợ ngắn hạn	Tỷ.đ	127.489	147.706
1	Phải trả người bán ngắn hạn	Tỷ.đ	39.290	44.261
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Tỷ.đ	13.437	31.602
3	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ.đ	8.559	14.357
4	Phải trả người lao động	Tỷ.đ	14.290	13.828
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	Tỷ.đ	5.457	2.996
6	Phải trả ngắn hạn khác	Tỷ.đ	34.855	28.542
7	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	Tỷ.đ	10.588	10.423
9	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	0.231
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ.đ	1.014	1.465
B	Nợ dài hạn	Tỷ.đ	7.000	7.922
1	Phải trả dài hạn khác		7.000	7.922

Tình hình tài chính của Công ty đảm bảo cho khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, không có nợ quá hạn; cụ thể các chỉ tiêu đánh giá chung như sau:

* Khả năng thanh toán nợ	12/31/2022	31/12/2023
- Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản:	0,208	0,244
- Khả năng thanh toán hiện hành: (Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	3,98	3,73
* Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu:	0,266	0,293

Công ty có đủ khả năng thanh toán hiện hành.

Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2023: 0,293 lần đang trong tỷ lệ an toàn theo quy định của Nhà nước.

Trong năm Công ty có xuất khẩu phân lân và phân NPK, đồng tiền trong giao dịch này sử dụng là ngoại tệ; tuy nhiên doanh thu và các khoản thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không cao trong tổng doanh thu của Công ty (khoảng 5,3% tổng doanh thu), do đó rủi ro từ tỷ giá hối đoái rất thấp.

3- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Năm 2023, Công ty tiếp tục duy trì đổi mới cách thức chi trả lương, tăng thu nhập thực tế hàng tháng, cải thiện đời sống của người lao động.

4- Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1. Tiếp tục thực hiện những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý như:

- Tăng cường đào tạo, bổ nhiệm cán bộ có trình độ;
- Tăng cường công tác quản lý, điều hành tại tất cả các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh;
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy định về quản lý;
- Quản lý chặt chẽ quá trình mua sắm vật tư;
- Sản xuất, dự trữ vừa đủ theo kế hoạch và nhu cầu thị trường; hạn chế tối đa lượng hàng tồn;
- Đẩy mạnh cải tiến công nghệ lò cao; cơ giới, hợp lý hóa các khâu trong sản xuất, áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân, đảm bảo môi trường;
- Tiếp tục nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm mới, cải tiến mẫu mã bao bì, đáp ứng nhu cầu thị trường;

- Đẩy mạnh công tác thị trường, tiêu thụ cả trong và ngoài nước.

- Tiếp tục kiện toàn bộ phận đầu tư xây dựng.

4.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

* Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024:

a. Khó khăn và thuận lợi:

- Khó khăn: Ngoài các khó khăn trong năm 2023 tiếp tục ảnh hưởng; trong năm 2024, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do thiếu lao động, giá nguyên nhiên liệu chính (than, quặng Apatit, xăng dầu...) tăng cao, giá cước vận chuyển vẫn ở mức cao, thời tiết diễn biến bất thường không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, sự cạnh tranh trên thị trường phân bón ngày càng gay gắt; đặc biệt tình hình chiến sự leo thang trong cuộc xung đột quân sự giữa Nga - Ucraina cũng làm ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thuận lợi: Công ty có bề dày 60 năm sản xuất phân bón; đội ngũ cán bộ công nhân có kinh nghiệm, trình độ, tay nghề; các hạng mục đầu tư khoa học công nghệ của Công ty từ các năm trước tiếp tục phát huy hiệu quả; sản phẩm phân bón của Công ty có thương hiệu, được người tiêu dùng tin nhiệm...

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

- Tổng doanh thu: **1.087,198** tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: **52,191** tỷ đồng;
- Tổng sản lượng sản xuất: **222.000** tấn phân bón các loại.
- Tổng sản lượng tiêu thụ: **222.000** tấn phân bón các loại

c. Công ty thực hiện một số giải pháp như sau:

- Kiện toàn công tác quản lý, nâng cao chất lượng cán bộ, đào tạo và đào tạo lại để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ngoài sản phẩm chính của Công ty là Lân nung cháy; nghiên cứu sản xuất một số loại sản phẩm phân bón mới đáp ứng nhu cầu của thị trường, phục vụ SXKD của Công ty như: Phân lân cao cấp, phân hữu cơ khoáng, các loại NPK dinh dưỡng cao...; Một số phân bón dạng nước chuyên dùng cho cây ăn quả, hoa, cây cảnh phục vụ canh tác nông sản sạch hữu cơ.

- Tiếp tục nghiên cứu, cải tiến, cải tạo máy móc thiết bị để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động;

- Triển khai phát triển thị trường mới tại miền Bắc, miền Trung, Tây Nguyên & Nam Bộ phấn đấu mỗi năm phát triển thêm 2 đến 3 đại lý mới.

- Nghiên cứu cơ chế chính sách phù hợp để giữ thị trường và tăng sản lượng tiêu thụ phân NPK ở khu vực phía Nam, tăng sản lượng tiêu thụ phân lân ở khu vực phía Bắc.

- Cải tiến công tác quảng cáo để quảng bá thương hiệu, hình ảnh, sản phẩm...Áp dụng công nghệ 4.0 để quảng cáo trên facebook, google, quảng cáo trên các trang điện tử của một số báo thân thiết với bà con nông dân trong Ngành Công thương (Báo NNVN, Tạp chí Công thương...), tích hợp liên kết các quảng cáo qua trang website chính của Công ty.

- Nghiên cứu để triển khai tiếp dự án đầu tư phục vụ công tác di dời, đảm bảo hiệu quả và phát triển bền vững.

- Về công tác đầu tư xây dựng: Đối với Dự án Bim Sơn, hiện đang phối hợp cùng BQLDA, nhà thầu để đánh giá hiệu quả dự án đầu tư (đánh giá F/S).

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến Kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2023:

Tại báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển, Kiểm toán độc lập đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ: “ Đến thời điểm hiện tại, Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4 (“HUD4”) chưa ký lại hợp đồng thuê đất tại Khu công nghiệp Bim Sơn liên quan đến Dự án nhà máy sản xuất phân lân và phân bón NPK tại Thanh Hóa của Công ty. Công ty đã triển khai thủ tục Giám đốc thẩm đối với bản án sơ thẩm số 03/2022/KDTM – ST ngày 05/9/2022 của Tòa án Nhân dân thị xã Bim Sơn (chi tiết tại thuyết minh số 10 và 14 trên bản Thuyết minh Báo cáo tài chính) theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐQT ngày 01/12/2023 của Hội đồng quản trị Công ty; ngày 03/1/2024, Hội đồng quản trị Công ty có nghị quyết số 01/NQ-HĐQT “thông qua chủ trương tiếp tục khởi kiện HUD4, yêu cầu bồi thường phần chi phí đầu tư mà Công ty đã triển khai thực hiện dự án. Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã thụ lý đơn đề nghị của Công ty. Công ty chưa ghi nhận bất cứ khoản dự phòng tổn thất nào có thể phát sinh liên quan tới việc Giám đốc thẩm bản án và yêu cầu khởi kiện nêu trên. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng cần thiết để đánh giá liệu có số tổn thất nào liên quan đến dự án cần phải ghi nhận vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 hay không”.

Sự việc trên liên quan đến việc Công ty đã ký hợp đồng với Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD4 (gọi tắt là “HUD4”) ngày 31/05/2013 về việc thuê đất và cơ sở hạ tầng của Công ty. Ngày 30/11/2013, HUD4 đã bàn giao mặt bằng cho Công ty. Đến ngày 06/02/2018 Công ty HUD4 mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tỉnh Thanh Hóa điều chỉnh quy hoạch Khu B - Khu công nghiệp Bim Sơn nên diện tích khu đất cho thuê có thay đổi từ 227.020 m² xuống còn

225.421,1 m². Do đó, Công ty tạm ghi nhận tiền thuê cơ sở hạ tầng trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn theo giá trị hóa đơn GTGT với số tiền là 62.722.076.233 đồng và chưa phân bổ vào chi phí do dự án nhà máy tại đây chưa hoàn thành quá trình đầu tư.

Do hợp đồng trái quy định của pháp luật (HUD4 cho thuê đất trong khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) nên tại bản án sơ thẩm số 03/2022/KDTM - ST ngày 05/9/2022 (gọi tắt là "Bản án") của Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã tuyên vô hiệu hợp đồng số 05/HĐTĐ-HUD4 ngày 31/5/2013 giữa HUD4 và Công ty, theo đó Công ty phải trả toàn bộ diện tích đất đã được bàn giao cho HUD4 và HUD4 phải hoàn trả cho Công ty 74,8 tỷ đồng (trong đó 66,5 tỷ đồng là tiền thuê Công ty đã trả cho HUD4, phần còn lại là tiền lãi phát sinh từ số tiền nêu trên). Tổng chi phí đã phát sinh liên quan đến dự án này là 87,2 tỷ đồng (bao gồm chi phí thuê hạ tầng và chi phí đã đầu tư của dự án) và thuế GTGT được khấu trừ có liên quan là 3,778 tỷ đồng. Hai bên đã thống nhất được nội dung dự thảo Hợp đồng thuê đất mới (Biên bản làm việc ngày 18/10/2022 giữa Công ty và Công ty HUD4) để trình cấp có thẩm quyền hai Công ty xem xét, quyết định. Ngày 01/11/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua chủ trương ký kết Hợp đồng thuê lại đất gắn với kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại khu B - Khu công nghiệp Bim Sơn - thị xã Bim Sơn giữa Công ty và HUD4 (theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐQT ngày 01/11/2022 của Hội đồng quản trị). Tuy nhiên, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến nay HUD4 vẫn chưa ký lại hợp đồng thuê đất như cam kết đã thống nhất và Hợp đồng nguyên tắc đã ký giữa hai Công ty trước khi Tòa xét xử. Việc này đã dẫn đến nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng về quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty. Do vậy Công ty đã triển khai các thủ tục Giám đốc thẩm đối với bản án sơ thẩm số 03/2022/KDTM - ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐQT ngày 01/12/2023 của Hội đồng quản trị Công ty; ngày 03/01/2024, Hội đồng quản trị Công ty có nghị quyết số 01/NQ-HĐQT thông qua chủ trương tiếp tục khởi kiện HUD4, yêu cầu bồi thường phần chi phí đầu tư mà Công ty đã triển khai thực hiện dự án. Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã thụ lý đơn đề nghị của Công ty. Công ty chưa ghi nhận bất cứ khoản dự phòng tổn thất nào liên quan tới việc giám đốc thẩm bản án và yêu cầu khởi kiện nêu trên tại thời điểm lập báo cáo tài chính này.

Sau khi có phán quyết của Tòa án cấp cao, Công ty sẽ triển khai các bước theo đúng trình tự của Pháp luật và sẽ thực hiện hạch toán các khoản chi phí nói trên theo đúng chế độ kế toán hiện hành của Bộ tài chính. Trên đây là giải trình của BGD về ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán trên BCTC năm 2023.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

a. *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, xử lý chất thải)*

Với các biện pháp và kết quả đạt được tại các mục 6.1 -:- 6.4 phần II nêu trên; trong năm 2023 các chỉ tiêu về môi trường đều được Công ty thực hiện tốt hơn, đạt và đều thỏa mãn tiêu chuẩn cho phép. Mức tiêu thụ nước, năng lượng, xử lý chất thải luôn ở mức tiết kiệm và tiên tiến so với các đơn vị sản xuất các sản phẩm cùng loại. Do vậy đã góp phần bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tiết kiệm tài nguyên, tiết kiệm chi phí sản xuất.

b. *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:*

Năm 2023, để bù đắp lượng lao động thiếu hụt, Công ty đã đa dạng nhiều kênh tuyển dụng, trong năm đã tuyển dụng mới 68 lao động nhưng có 47 lao động nghỉ chấm dứt hợp đồng; tính đến 31/12/2023, lao động trong Công ty có 346 người, tăng 21 lao động so với cùng kỳ năm ngoái; tuy nhiên, số lao động mới còn thiếu kinh nghiệm, chưa thích ứng với yêu cầu công việc, đòi hỏi phải

có thời gian để đào tạo. Tình trạng thiếu lao động dẫn tới nhiều khó khăn trong bố trí lao động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty là đơn vị dẫn đầu huyện Thanh Trì trong công tác xã hội - từ thiện, là đơn vị tích cực tham gia đóng góp các quỹ từ thiện, xã hội của địa phương và Tập đoàn hóa chất Việt Nam. Tham gia tích cực trong các hoạt động đảm bảo an ninh, an toàn, trật tự xã hội trên địa bàn.

IV- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty năm 2023

1- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Ngay từ đầu năm 2023, hoạt động của ngành sản xuất kinh doanh phân bón trong nước nói chung và của Công ty nói riêng tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn, tiếp tục chịu ảnh hưởng của chiến tranh Nga-Ucraina, sự biến động về tăng giá các nguyên nhiên vật liệu đầu vào. Tuy nhiên, với các giải pháp đồng bộ, tích cực trên tất cả các mặt tổ chức, sản xuất kinh doanh; hoạt động của Công ty trong năm 2023 là tương đối ổn định, đạt được hiệu quả và kết quả kinh doanh tốt, cụ thể:

- Về tổ chức: Kiện toàn nhân sự, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025;
- Về lao động: Đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Về quản lý: Chặt chẽ, khoa học, bám sát thực tế sản xuất kinh doanh;
- Về công nghệ: Tiếp tục được cải tiến, nâng cao trình độ;
- Về sản xuất: Ổn định, tăng cường tiết giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động;
- Về thị trường, tiêu thụ: Thị trường được giữ vững, mở rộng;
- Về tài chính kế toán: Thực hiện đúng quy định của Nhà nước và Công ty; tình hình tài chính của Công ty lành mạnh;
- Về kiểm toán nội bộ: Đã triển khai thực hiện theo quy định.
- Về đầu tư xây dựng: Đáp ứng kịp thời nhu cầu máy móc thiết bị cho sản xuất kinh doanh;
- Về trách nhiệm đối với người lao động, môi trường, xã hội: Đảm bảo việc làm, thu nhập, thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về chế độ đối với người lao động; thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về môi trường; tích cực tham gia các chương trình xã hội, từ thiện.

- Về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023: Trong năm 2023, hoạt động của ngành sản xuất kinh doanh phân bón trong nước nói chung và của Công ty nói riêng tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn, giá nguyên vật liệu tăng, ... Tuy nhiên, Công ty đã đoàn kết, nỗ lực để giữ vững, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023 là rất tốt, đạt và vượt với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể:

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023 đã điều chỉnh	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ (%)	
						TH 2023/KH 2023	TH 2023/TH 2022
A	B	C	3	4	5	6=5/4	7=5/3
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	<u>234.018</u>	<u>217.000</u>	<u>237.829</u>	<u>110</u>	<u>102</u>
-	<i>Phân lân các loại</i>	<i>Tấn</i>	202.081	185.000	208.181	113	103
-	<i>Phân NPK các loại</i>	<i>Tấn</i>	31.937	32.000	29.648	93	93
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	<u>206.864</u>	<u>212.000</u>	<u>217.688</u>	<u>103</u>	<u>105</u>
-	<i>Phân lân các loại</i>	<i>Tấn</i>	174.743	180.000	188.449	105	108
-	<i>Phân NPK các loại</i>	<i>Tấn</i>	32.121	32.000	29.239	91	91
	<i>Trong đó Xuất khẩu</i>		15.750	15.000	9.893	66	63
	<i>Phân lân Văn Điển</i>	<i>Tấn</i>	14.750	14.000	9.893	71	67
	<i>Phân NPK Văn Điển</i>	<i>Tấn</i>	1.000	1.000	-	-	-
3	Tổng doanh thu	<i>Tỷ đ</i>	<u>949.510</u>	<u>1.063.94</u>	<u>1.064.000</u>	<u>100</u>	<u>112</u>
4	Lợi nhuận trước thuế	<i>Tỷ đ</i>	<u>52.739</u>	<u>50.090</u>	<u>76.028</u>	<u>145</u>	<u>144</u>

2- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

Trong năm 2023, Ban Tổng giám đốc Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị; góp phần giúp Công ty thực hiện và hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông giao trong bối cảnh ngành phân bón gặp rất nhiều khó khăn, giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào tăng cao và chịu nhiều tác động của chiến sự giữa Nga-Ucraina. Đặc biệt ghi nhận sự nỗ lực và chỉ đạo sát sao của Ban Tổng giám đốc để giữ vững hoạt động sản xuất kinh doanh và kinh doanh hiệu quả khi thị trường phân bón có nhiều biến động, giá nguyên nhiên liệu vật đầu vào liên tục điều chỉnh, tăng giá; giữ vững, bảo toàn và phát triển vốn hiệu quả.

3- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2024:

Sau khi xem xét các mặt hoạt động của Công ty năm 2023 và dự kiến tình hình năm 2024, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2024 để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể như đã nêu ở mục 4.b phần III nêu trên.

Để thực hiện được kế hoạch đề ra, cần thực hiện các giải pháp sau đây:

a- Không ngừng nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của Pháp luật và của Công ty; đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành;

- Tăng cường phối hợp với Ban kiểm soát để nâng cao hiệu quả kiểm soát hoạt động của Công ty;

- Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nội bộ, làm cơ sở cho mọi hoạt động của Công ty, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty tiếp tục hoàn thiện với mục tiêu phát triển bền vững;

- Tiếp tục kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành để đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kết luận nội dung tố cáo số 8990/KL-BCT ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương;

- Kiểm tra, rà soát, đánh giá công tác đầu tư xây dựng và dự án của Công ty.

2- Hội đồng quản trị định hướng, chỉ đạo, giám sát Ban điều hành thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Kiện toàn khâu cán bộ; cải tiến công tác quản lý trên nguyên tắc tinh giảm người, đúng việc; nâng cao chất lượng cán bộ, hiệu quả công việc; đào tạo và đào tạo lại, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trong tình hình mới;

- Tập trung cao độ, linh hoạt, bám sát thực tế trong công tác quản lý, điều hành;

- Tập trung phát triển và giữ vững thị trường tiêu thụ;

- Chú trọng nhân tố con người; tập trung các biện pháp, chính sách để tuyển dụng, thu hút và giữ chân người lao động gắn bó lâu dài, đáp ứng nhu cầu lao động với Công ty.

- Áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm;

- Phát triển sản phẩm mới; củng cố và mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước;

- Triển khai các dự án đảm bảo hiệu quả;

- Đảm bảo vệ sinh môi trường-an toàn lao động theo quy định của Nhà nước.

- Thực hiện đúng các chế độ, đảm bảo việc làm, thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Quan tâm, hưởng ứng các phong trào xã hội, từ thiện do địa phương và các tổ chức phát động.

V- Quản trị công ty

1- Hội đồng quản trị:

a- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị tại thời điểm báo cáo:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân/đại diện sở hữu (%)	Chức danh thành viên HĐQT tại các Công ty khác
1	Phùng Ngọc Bộ	Chủ tịch HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 0 - Đại diện sở hữu: 27,06	
2	Văn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 0,04 - Đại diện sở hữu: 15,04	
3	Trần Thắng	Thành viên HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 0 - Đại diện sở hữu: 25	

4	Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 0,36 - Đại diện sở hữu: 24,46	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Hoàng Ngân. Địa chỉ: Vũ Duy Thanh, Bích Đào, Ninh Bình.
5	Phạm Thị Hoàng Yến	Thành viên HĐQT độc lập	- Sở hữu cá nhân: 0 - Đại diện sở hữu: 0	

Ghi chú:

- Các thành viên từ mục 1 đến mục 3: Đại diện sở hữu cho cổ đông lớn là Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam;

- Thành viên mục 4: Đại diện sở hữu cho cổ đông lớn là Công ty TNHH Hoàng Ngân;

- Thành viên mục 5: Thành viên HĐQT độc lập.

- Tại thời điểm báo cáo, số lượng và cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị Công ty như sau:

+ Số lượng: 5 thành viên;

+ Cơ cấu: 4 thành viên đại diện sở hữu của cổ đông lớn; 01 thành viên HĐQT độc lập

b- Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Không có

c- Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong bối cảnh khó khăn của ngành sản xuất kinh doanh phân bón trong nước nói chung và của Công ty nói riêng; để nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị Công ty và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông giao; Hội đồng quản trị đã nêu cao quyết tâm, đoàn kết nhất trí, thường xuyên tổ chức các cuộc họp (trong năm đã tổ chức 5 cuộc họp chính thức và 19 lần tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản). Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị tập trung vào các vấn đề sau:

- Trình Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung nhân sự Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025;

- Sửa đổi, bổ sung các Quy chế của Công ty theo đúng quy định hiện hành của Pháp luật, Điều lệ Công ty và phù hợp thực tế hoạt động của Công ty;

- Chỉ đạo, giám sát các mặt hoạt động của Công ty như tài chính kế toán, tiêu thụ sản phẩm, tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh-đầu tư xây dựng; giải quyết các tồn tại của Dự án đầu tư xây dựng “Nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển tại Bim Sơn, Thanh Hóa”.

- Xem xét, giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành;

- Triển khai thực hiện Kết luận nội dung tố cáo số 8990/KL-BCT ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương.

* Các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo của Hội đồng quản trị năm 2023:

STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Nội dung
1	04/QĐ-HĐQT	17/01/2023	Phê duyệt đơn vị cung cấp dịch vụ "Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022" của Công ty.
2	07/NQ-HĐQT	21/02/2023	Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
3	08/TB-HĐQT	21/02/2023	Thông báo về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.
4	09/NQ-HĐQT	22/02/2023	- Ghi nhận Báo cáo sản xuất kinh doanh trong Quý IV và cả năm 2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong Quý I năm 2023. - Thông qua kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2023 của Công ty. - Thông qua kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 của Công ty.
5	10/QĐ-HĐQT	22/02/2023	Quyết định phê duyệt kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2023 của Công ty.
6	11/QĐ-HĐQT	22/02/2023	Quyết định phê duyệt kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 của Công ty.
7	13/QĐ-HĐQT	06/03/2023	Quyết định phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2022.
8	16/QĐ-HĐQT	17/03/2023	Quyết định về việc ký Hợp đồng với người liên quan trong năm 2023.
9	17/QĐ-HĐQT	17/03/2023	Quyết định về việc phê duyệt chuyển tiếp thực hiện dự án năm 2022 sang năm 2023.
10	18/NQ-HĐQT	20/03/2023	- Thông qua việc thành lập Ban kiểm tra tư cách đại biểu tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. - Thông qua chương trình, nội dung các tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
11	19/QĐ-HĐQT	20/03/2023	Quyết định thành lập Ban kiểm tra tư cách đại biểu tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
12	20/QĐ-HĐQT	20/03/2023	Quyết định về việc thông qua Chương trình, tài liệu tổ chức ĐHĐCĐ năm 2023.
13	27/TB-HĐQT	10/04/2023	Thông báo về việc thay đổi nhân sự HĐQT và bổ sung nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ năm 2023.
14	29/NQ-HĐQT	11/04/2023	Thông qua dự thảo Chương trình, tài liệu sửa đổi, bổ sung tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Nội dung
15	34/QĐ-HĐQT	08/05/2023	Quyết định về việc chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền.
16	37/QĐ-HĐQT	23/05/2023	Quyết định về việc chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền (lần 2 – điều chỉnh ngày đăng ký cuối cùng và thời gian thực hiện).
17	39/NQ-HĐQT	29/05/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhận kết quả SXKD Quý I/2023 và đồng thuận với Kế hoạch SXKD Quý II năm 2023. - Thông qua việc chấm dứt hoạt động của Ban quản lý dự án Thái Bình. - Thông qua việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển tại Thái Bình. - Phê duyệt dự án đầu tư mua sắm thiết bị năm 2023. - Thông qua việc cử cán bộ tham gia đoàn công tác tại Trung Quốc. - Thông qua chủ trương đánh giá lại hiệu quả Dự án ĐTXD Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và Phân bón NPK tại Bim Sơn, Thanh Hóa.
18	40/QĐ-HĐQT	29/05/2023	Quyết định về việc chấm dứt hoạt động của Ban quản lý Dự án Nhà máy NPK Thái Bình.
19	41/QĐ-HĐQT	29/05/2023	Quyết định về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển tại Thái Bình.
20	42/QĐ-HĐQT	29/05/2023	Quyết định về việc phê duyệt dự án đầu tư mua sắm thiết bị năm 2023.
21	43/QĐ-HĐQT	29/05/2023	Quyết định về việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài.
22	45/NQ-HĐQT	19/06/2023	Phê chuẩn chủ trương bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty đối với ông Trần Thắng.
23	48/QĐ-HĐQT	29/06/2023	Quyết định ban hành kế hoạch triển khai quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2026-2031 Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển.
24	51/NQ-HĐQT	04/07/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ “Kiểm toán báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2023 và báo cáo tài chính năm 2023”. - Phê duyệt việc điều chỉnh dự án mua sắm ô tô bán tải 05 chỗ ngồi.

STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Nội dung
25	52/QĐ-HĐQT	04/07/2023	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ "Kiểm toán báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2023 và báo cáo tài chính năm 2023".
26	53/QĐ-HĐQT	04/07/2023	Quyết định phê duyệt việc điều chỉnh dự án mua sắm ô tô bán tải 05 chỗ ngồi.
27	56/NQ-HĐQT	01/08/2023	- Bổ nhiệm có thời hạn ông Trần Thắng giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty từ ngày 12/08/2023. - Ghi nhận kết quả SXKD quý II/2023 và 6 tháng năm 2023; đồng thuận với kế hoạch SXKD quý 3/2023.
28	60/QĐ-HĐQT	21/8/2023	Quyết định thành lập Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định.
29	62/QĐ-HĐQT	05/9/2023	Quyết định về hệ số công việc của Phó TGD Trần Thắng.
30	64/QĐ-HĐQT	12/9/2023	Quyết định cử cán bộ đi công tác nước ngoài.
31	66/NQ-HĐQT	29/9/2023	- Thông qua việc tổ chức lễ kỷ niệm 60 năm thành lập Công ty. - Thông qua việc thành lập HĐ lựa chọn thuê tài chính 01 xe ô tô con.
32	67/QĐ-HĐQT	29/9/2023	Quyết định thành lập HĐ lựa chọn thuê tài chính 01 xe ô tô con.
33	70/NQ-HĐQT	20/10/2023	- Thông qua việc sửa đổi Quy chế Quản lý mua sắm vật tư thường xuyên phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. - Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức điều hành của Công ty. - Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Tiêu thụ sản phẩm của Công ty. - Thông qua Kế hoạch, chuyên đề kiểm toán nội bộ và Kết quả lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ Kiểm toán nội bộ năm 2023 và năm 2024. - Ghi nhận kết quả sản xuất kinh doanh quý 3/2023 và 09 tháng đầu năm 2023; chấp thuận Kế hoạch SXKD quý 4/2023. - Phê duyệt Đầu bài, đề cương và nhiệm vụ tư vấn thuộc gói thầu lựa chọn Tư vấn đánh giá lại hiệu quả dự án ĐTXD "Nhà máy SX Phân lân nung chảy và Phân bón NPK tại Khu B – Khu Công nghiệp Bim Sơn, Thanh Hóa". - Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu bổ sung và dự toán gói thầu lựa chọn Tư vấn đánh giá lại hiệu quả dự án ĐTXD

STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Nội dung
			"Nhà máy SX Phân lân nung chảy và Phân bón NPK tại Khu B – Khu Công nghiệp Bim Sơn, Thanh Hóa".
34	72/QĐ-HĐQT	27/10/2023	Ban hành Quy chế tiêu thụ sản phẩm của Công ty.
35	73/QĐ-HĐQT	27/10/2023	Ban hành Quy chế quản lý mua sắm thường xuyên phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
36	74/QĐ-HĐQT	31/10/2023	V/v thưởng cho các cán bộ quản lý, Ban điều hành của Công ty năm 2022.
37	75/QĐ-HĐQT	31/10/2023	Ban hành Quy chế Tổ chức điều hành của Công ty.
38	76/QĐ-HĐQT	31/10/2023	Phê duyệt Kế hoạch, chuyên đề Kiểm toán nội bộ và Kết quả lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ "Kiểm toán nội bộ" năm 2023, 2024.
39	77/QĐ-HĐQT	14/11/2023	- Phê duyệt Đầu bài, đề cương và nhiệm vụ tư vấn thuộc gói thầu lựa chọn Tư vấn đánh giá lại hiệu quả dự án ĐTXD "Nhà máy SX Phân lân nung chảy và Phân bón NPK tại Khu B – Khu Công nghiệp Bim Sơn, Thanh Hóa". - Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu bổ sung và dự toán gói thầu lựa chọn Tư vấn đánh giá lại hiệu quả dự án ĐTXD "Nhà máy SX Phân lân nung chảy và Phân bón NPK tại Khu B – Khu Công nghiệp Bim Sơn, Thanh Hóa".
40	79/QĐ-HĐQT	23/11/2023	Ban hành Kế hoạch đánh giá, xếp loại Người điều hành Công ty năm 2022.
41	82/NQ-HĐQT	29/11/2023	- Thông qua chủ trương thuê tài chính 01 xe ô tô con để phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty; phê duyệt kết quả thuê tài chính 01 xe ô tô con. - Phê duyệt kế hoạch đầu tư thị trường năm 2024.
42	83/QĐ-HĐQT	29/11/2023	Thông qua chủ trương và phê duyệt kết quả thuê tài chính 01 xe ô tô con.
43	84/QĐ-HĐQT	29/11/2023	Thông qua việc lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu Tư vấn đánh giá lại hiệu quả dự án ĐTXD.
44	85/QĐ-HĐQT	29/11/2023	Phê duyệt Kế hoạch đầu tư thị trường năm 2024
45	86/QĐ-HĐQT	29/11/2023	Phê duyệt danh sách nhân sự quy hoạch các chức danh TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng Công ty giai đoạn 2026-2031.
46	87/QĐ-HĐQT	29/11/2023	Phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung nhân sự quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021-2026 của Công ty.

STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Nội dung
47	88/NQ-HĐQT	01/12/2023	Thông qua các nội dung liên quan đến việc triển khai thủ tục giám đốc thẩm.
48	90/NQ-HĐQT	18/12/2023	- Thông qua chủ trương ký hợp đồng tiêu thụ với Công ty cổ phần XNK phân bón Minh Tân. - Thông qua việc ban hành "Định mức tồn kho nguyên, nhiên vật liệu chính" của Công ty.
49	91/QĐ-HĐQT	18/12/2023	Quyết định vv ký hợp đồng tiêu thụ với Công ty cổ phần XNK phân bón Minh Tân năm 2024.
50	92/QĐ-HĐQT	18/12/2023	Quyết định ban hành "Định mức tồn kho nguyên, nhiên vật liệu chính" của Công ty.
51	95/NQ-HĐQT	29/12/2023	- Thông qua việc ban hành "Quy chế quản lý nợ" của Công ty. - Thông qua chủ trương về việc mua bán than với Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam.
52	96/QĐ-HĐQT	29/12/2023	Quyết định về việc ký hợp đồng mua bán than với Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam.
53	97/QĐ-HĐQT	29/12/2023	Quyết định ban hành "Quy chế quản lý nợ" của Công ty.

d-Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT độc lập theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

e- Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có

f-Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các khóa đào tạo: Không có

2- Ban Kiểm soát:

2.1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Nguyễn Thị Mịch	Trưởng BKS	25/4/2022	Cử nhân kế toán
2	Nguyễn Thị Vân Hoa	Thành viên	28/6/2020	Cử nhân
3	Nguyễn Thị Sơn	Thành viên	28/6/2020	Cao đẳng

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp

1	Nguyễn Thị Mạch	3/3	100%	100%	
2	Nguyễn Thị Vân Hoa	3/3	100%	100%	
3	Nguyễn Thị Sơn	3/3	100%	100%	

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tổ chức họp để triển khai các công việc và tiến hành các hoạt động phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, cụ thể:

- Kiểm tra việc tuân thủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Kiểm soát việc tuân thủ thực hiện Điều lệ, Quy chế và các quy định nội bộ của Công ty;
- Kiểm soát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Kiểm soát công tác tài chính kế toán, thẩm định Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2023;
- Kiểm tra công tác điều hành giá bán sản phẩm, công tác tiêu thụ, ký kết các hợp đồng bán sản phẩm, mua nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất kinh doanh, quản lý công nợ, tiêu hao nguyên vật liệu...
- Kiểm tra công tác ĐTXD.
- Kiểm tra việc thực hiện công bố thông tin.

3- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát:

a/ Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng năm 2023:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền thù lao (đ)	Tiền lương (đ)	Tiền thưởng (đ)	Tổng cộng (đ)
I	Thành viên Hội đồng quản trị					
1	Phùng Ngọc Bộ	Chủ tịch HĐQT	72.000.000		24.200.000	96.200.000
2	Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên HĐQT	60.000.000		23.000.000	83.000.000
3	Nguyễn Thị Xuân Quyên	Thành viên HĐQT	15.000.000		15.000.000	30.000.000
4	Phạm Thị Hoàng Yến	Thành viên HĐQT độc lập	60.000.000		23.000.000	83.000.000
II	Thành viên HĐQT/Ban điều hành					
1	Văn Hồng Sơn	Thành viên. HĐQT, Tổng giám đốc	60.000.000	792.497.071	46.282.000	898.779.071
2	Phạm Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc		549.664.100	25.800.000	575.464.100
3	Trần Thăng	Thành viên. HĐQT, Phó Tổng giám đốc	45.000.000	145.662.332	9.000.000	199.662.332
III	Ban kiểm soát					
1	Nguyễn Thị Mạch	Trưởng BKS		440.039.881	21.100.000	461.139.881
2	Nguyễn Thị Vân Hoa	Kiểm soát viên	48.000.000		14.800.000	62.800.000
3	Nguyễn Thị Sơn	Kiểm soát viên	48.000.000		14.800.000	62.800.000
IV	Kế toán trưởng					
1	Nguyễn Thị Sen	Phụ trách kế toán		461.495.937	26.100.000	487.595.937

b- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người có liên quan, cổ đông lớn trong năm 2023: Không có.

c- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ, người có liên quan, cổ đông lớn trong năm 2023:

STT	Tổ chức/cá nhân thực hiện giao dịch	Quan hệ với Công ty/người nội bộ	Hợp đồng với Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển
1	Công ty TNHH Hoàng Ngân	Cổ đông lớn/Người có liên quan của Ông Nguyễn Ngọc Thạch-thành viên Hội đồng quản trị Công ty	1- Dịch vụ vận chuyển hàng hóa 2- Dịch vụ thuê kho chứa hàng.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Được thực hiện đúng theo các quy định hiện hành.

VI. Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

(Được đính kèm theo).

Xác nhận của Người đại diện
theo pháp luật của Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC *sh*



Văn Hồng Sơn